

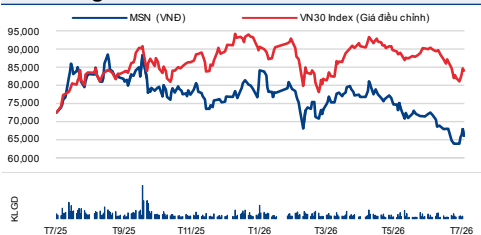
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ114,200
Tiềm năng tăng/giảm: 72.8%

Giá cổ phiếu (đồng) (31/7/2026)	66,100
Mã Bloomberg	MSN VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	63,900-88,500
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	65,980
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	95,575
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	3,634
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,446
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	1,446
Slg CP NN được mua (tr.đv)	1,172
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	100%
Tỷ lệ sở hữu của NN	19.0%
Tỷ lệ freefloat	58.8%
Cổ đông lớn	ông ty cổ phần Masan (24.1%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	81,621	117,285	123,199
EBITDA đc (tỷ đồng)	11,093	16,516	18,859
LNTT (tỷ đồng)	7,888	13,077	16,700
LNT ĐC (tỷ đồng)	4,108	7,823	10,368
FCF (tỷ đồng)	(509)	(10,087)	(8,636)
EPS ĐC (đồng)	2,702	5,145	6,819
DPS (đồng)	-	-	-
BVPS (đồng)	23,248	28,393	35,212
T.trưởng EBITDA (%)	7.63	48.9	14.2
T.trưởng EPS ĐC (%)	101	90.4	32.5
Tăng trưởng DPS (%)	-	-	-
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	13.6	14.1	15.3
Tỷ suất LNTTT (%)	9.66	11.2	13.6
Tỷ suất LNT ĐC (%)	5.03	6.67	8.42
Tỷ lệ LN trả CT (%)	-	-	-
Nợ thuần/VCSH (%)	150	110	70.2
ROAE (%)	12.5	19.9	21.4
ROACE (%)	8.63	13.0	13.5
EV/doanh thu (lần)	1.88	1.26	1.12
EV/EBITDA ĐC (lần)	13.8	8.93	7.30
P/E ĐC (lần)	24.5	12.8	9.69
P/B (lần)	2.84	2.33	1.88
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Masan thông qua các công ty con và công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực bán lẻ, sản phẩm tiêu dùng nhanh có thương hiệu, thịt mát có thương hiệu, nguyên liệu cơ bản và dịch vụ tài chính.

Chuyên viên phân tích

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng
my.th@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 362

Huỳnh Phương Bảo Khánh

Chuyên viên, Ngành Hàng Tiêu Dùng
khanh.hpb@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 369

Ghi nhận từ buổi gặp gỡ chuyên viên phân tích: MSR là động lực tăng trưởng chính

- Ngày 29/7/2026, HSC tham dự buổi gặp gỡ chuyên viên phân tích Q2/2026 của MSN. BLĐ tái khẳng định mức tăng trưởng lợi nhuận khoảng 1.700 tỷ đồng trong Q2/2026 của MSR đến từ HĐKD cốt lõi, đồng thời đưa ra lộ trình rõ ràng hơn để thực hiện nghĩa vụ quyền chọn bán trị giá 750 triệu USD tại The CrownX (TCX).
- MSR tiếp tục là động lực tăng trưởng chính trong nửa cuối năm 2026. BLĐ đề ra mục tiêu doanh thu Q3/2026 cho MSR khoảng 500 triệu USD (~13,2 nghìn tỷ đồng, tăng 547% so với cùng kỳ và tăng 62% so với quý trước). LNST trước lợi ích CĐTS dự kiến cao hơn quý trước, dựa trên giả định giá vonfram neo ở mức gần 3.000 USD/mtu và tỷ trọng sản lượng nguyên liệu mua ngoài cao hơn (theo ước tính của chúng tôi có thể đạt 75-80%, so với mức 70% trong Q2/2026).
- HSC đang xem xét lại dự báo lợi nhuận. Dựa trên dự báo chưa điều chỉnh, MSN hiện đang giao dịch với P/E năm 2026 ở mức 12,9 lần.

Sự kiện: Buổi gặp gỡ chuyên viên phân tích Q2/2026 diễn ra ngày 29/7

Ngày 29/7/2026, HSC tham dự buổi gặp gỡ chuyên viên phân tích Q2/2026 của MSN. Cuộc họp tập trung thảo luận về các nghĩa vụ tài chính của tập đoàn cùng với lộ trình thu xếp nguồn vốn cho quyền chọn bán trị giá 750 triệu USD

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 3/8.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Một số điểm chính từ buổi gặp gỡ chuyên viên phân tích trong Q2/2026, MSN

Chủ đề	Ý kiến ban lãnh đạo & nhận định của HSC
Quyền chọn bán (The CrownX)	MSN có nghĩa vụ tài chính khoảng 750 triệu USD liên quan đến quyền chọn bán tại The CrownX, đến hạn vào Q3/2027. Ban lãnh đạo cho biết nguồn tài trợ dự kiến đến từ việc chuyển niêm yết MSR từ UPCo sang HoSE, thu hút đối tác chiến lược vào MSR và dòng tiền tự do (FCF) của Masan khoảng 450-500 triệu USD.
Kế hoạch LNST trước lợi ích của CĐTS năm 2026	Được nâng lên 10,0-11,5 nghìn tỷ đồng (từ 7,3-7,9 nghìn tỷ đồng) - phần tăng gần như hoàn toàn đến từ việc cập nhật ngân sách/kế hoạch mới cho MSR.
Cơ cấu nguồn nguyên liệu đầu vào của MSR (Q2/26)	Khoảng 30% nguồn nội bộ và 70% nguồn bên ngoài. Ban lãnh đạo cho biết tình huống nội bộ có tỷ suất lợi nhuận gộp cao gấp 3-4 lần so với nguồn mua ngoài.
Tỷ suất lợi nhuận gộp sản phẩm APT của MSR	Đạt khoảng 25,7% trong Q2/2026, tăng khoảng 100 điểm cơ bản so với cùng kỳ nhưng giảm so với quý trước do tỷ trọng nguyên liệu đầu vào mua ngoài tăng
Kế hoạch doanh thu Q3/26 của MSR	~500 triệu USD / ~13,2 nghìn tỷ đồng (+547% so với cùng kỳ, +62% so với quý trước) nếu giá APT duy trì quanh mức 3.000 USD/mtu; LNST trước lợi ích của CĐTS dự kiến tăng so với quý trước nhưng đã tăng chậm hơn doanh thu
Tồn kho của MSR	Khoảng 6-7 nghìn tỷ đồng tồn kho đang được ghi nhận theo mức giá APT khoảng 2.000-2.100 USD/mtu, thấp hơn đáng kể so với giá giao ngay khoảng 3.000 USD/mtu; ban lãnh đạo kỳ vọng sẽ hiện thực hóa giá trị này trong phần còn lại của năm
Chi phí dự phòng	Trusting Social ước tính được trích lập dự phòng toàn phần; với 874 tỷ đồng đã được ghi nhận trong 6 tháng đầu năm 2026, HSC ước tính MSN sẽ cần trích lập thêm khoảng 470 tỷ đồng trong nửa cuối năm 2026.
Mở mới cửa hàng WCM	MSN đặt kế hoạch mở mới 500-1.000 cửa hàng trong 6 tháng cuối năm 2026, hướng tới mục tiêu khoảng 1.500 cửa hàng cho cả năm 2026. Doanh thu nửa đầu năm 2026 tăng 27% so với cùng kỳ và đang đi đúng kế hoạch.

Nguồn: MSN, HSC

tại The CrownX; tiềm năng tăng trưởng đột phá và triển vọng lợi nhuận trong nửa cuối năm 2026 của Masan High-Tech Materials (MSR/MHT); việc nâng mục tiêu lợi nhuận cho cả năm 2026 của tập đoàn, cũng như triển vọng của mảng tiêu dùng bán lẻ cốt lõi (MCH và WCM). Những thông tin chính như:

MSR: KQKD Q2/2026 và triển vọng nửa cuối năm 2026

MSR trở thành động lực tăng trưởng chính, giúp lợi nhuận Q2/2026 của MSN vượt dự báo, với LNST 1.666 tỷ đồng (vượt xa mức dự báo nội bộ chỉ 500-600 tỷ đồng được đưa ra vào cuối Q1/2026), nhờ giá vonfram neo ở mức cao trong thời gian dài.

Trong Q2/2026, cơ cấu tính quặng vonfram đầu vào gồm khoảng 30% nguồn nội bộ và 70% mua ngoài. Điều này giúp tỷ suất lợi nhuận gộp bình quân của sản phẩm APT đạt khoảng 25,7%, cải thiện khoảng 100 điểm cơ bản so với cùng kỳ nhưng thấp hơn so với quý trước do tỷ trọng nguyên liệu mua ngoài tăng làm pha loãng tỷ suất lợi nhuận. BLĐ lưu ý rằng nguồn nguyên liệu nội bộ mang lại tỷ suất lợi nhuận gộp cao gấp 3-4 lần so với nguồn mua ngoài.

BLĐ dự kiến sẽ điều chỉnh cơ cấu sản phẩm trong Q3/2026 dịch chuyển theo hướng tăng sản lượng nguyên liệu mua ngoài (so với Q2/2026). Điều này nhiều khả năng sẽ tiếp tục làm pha loãng tỷ suất lợi nhuận gộp so với quý trước. Về doanh thu thuần, MSR đặt mục tiêu doanh thu Q3/2026 khoảng 500 triệu USD (~13,2 nghìn tỷ đồng, +547% svck; +62% svqt), với điều kiện giá APT giữ vững ở mức gần 3.000 USD/mtu. LNST trước lợi ích CĐTS dự kiến tiếp tục cao hơn so với quý trước. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng lợi nhuận sẽ chậm hơn tốc độ tăng trưởng doanh thu do tỷ trọng nguyên liệu mua ngoài (vốn có tỷ suất lợi nhuận thấp) tăng lên. BLĐ không đưa ra mục tiêu lợi nhuận cụ thể.

Về rủi ro pháp lý, tranh chấp thuế tài nguyên vẫn tiếp diễn do thiếu quy định rõ ràng về căn cứ tính thuế đối với quặng đa kim chế biến sâu, như đã được công bố trong BCTC của MSR. Vấn đề này dự kiến sẽ được giải quyết trong tháng tới hoặc trong Q3/2026, và công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ nghĩa vụ tài chính ước tính trên bảng CĐKT.

BLĐ lưu ý khoảng 6-7 nghìn tỷ đồng hàng tồn kho Q2/2026 của MSR (trên tổng số 8,7 nghìn tỷ đồng) hiện có giá vốn APT chỉ 2.000-2.100 USD/mtu, thấp hơn nhiều so với giá thị trường giao ngay (~3.000 USD/mtu). Lượng hàng tồn kho này sẽ được bán vào nửa cuối năm để trả nợ và có thể được dùng để trả cổ tức.

Mảng tiêu dùng & bán lẻ đang đúng tiến độ

MCH: BLĐ kỳ vọng 2027 sẽ là năm tăng trưởng lợi nhuận bắt nhịp lại cùng chiều với doanh thu, khi chiến lược "Retail Supreme" đạt hiệu suất vận hành tối đa và chi phí cố định trong giai đoạn mở rộng hiện tại được hấp thụ hoàn toàn.

WCM: Doanh thu 6 tháng đầu năm 2026 (+27% svck) và tiến độ mở rộng mạng lưới cửa hàng đang được triển khai đúng kế hoạch. BLĐ đặt mục tiêu mở mới 500-1.000 cửa hàng trong 6 cuối năm 2026 (hướng tới mục tiêu khoảng 1.500 cửa hàng cho cả năm) nhằm hoàn thành KHKD cho cả năm 2026.

Triển vọng lợi nhuận của MSN

Điều chỉnh KHKD cả năm & biến động chi phí dự phòng

Gần đây, MSN nâng mục tiêu LNST trước lợi ích CĐTS cho cả năm 2026 lên 10-11,5 nghìn tỷ đồng (từ mức 7,3-7,9 nghìn tỷ đồng trước đây). Tại buổi họp, BLĐ làm rõ việc điều chỉnh tăng mục tiêu này chủ yếu đến từ việc điều chỉnh tăng các giả định kinh doanh đối với MSR. Hơn nữa, mục tiêu cập nhật đã tính toán một cách thận trọng khoản trích lập dự phòng toàn phần cho Trusting Social, bao gồm 874 tỷ đồng đã ghi nhận trong nửa đầu năm 2026 cùng khoản dự phòng bổ sung dự kiến khoảng 470 tỷ đồng trong nửa cuối năm. Kế hoạch lợi nhuận mới được lập trên giả định Nyobolt không đóng góp lợi nhuận, do

trong Q2/2026 công ty ghi nhận 216 tỷ đồng lợi nhuận nhờ hoàn nhập một phần dự phòng.

Nghĩa vụ tài chính: quyền chọn bán trị giá 750 triệu USD tại TCX

BLĐ đã thảo luận về quyền chọn bán trị giá 750 triệu USD do nhà đầu tư chiến lược nắm giữ tại The CrownX (TCX). Theo BLĐ, nghĩa vụ này kéo dài đến Q3/2027 và tập đoàn đặt mục tiêu hoàn tất một thương vụ chiến lược vào cuối năm 2026. Ngoài ra, việc phát hành ra thị trường vốn cho nhà đầu tư cũng có thể giải quyết được một phần nghĩa vụ này.

Tổng giám đốc Danny Le đã đưa ra lộ trình giảm đòn bẩy tài chính rõ ràng dựa trên ba nguồn vốn chính, bao gồm: (i) kế hoạch chuyển sàn cho MSR từ UPCoM sang HoSE, (ii) nguồn vốn góp từ đối tác chiến lược vào MSR, và (iii) dòng tiền tự do nội bộ của MSN khoảng 450-500 triệu USD. Ông nhấn mạnh rằng tập đoàn sẽ không phụ thuộc vào việc tăng nợ vay. Tiến độ giảm đòn bẩy tài chính tiếp tục đi đúng hướng khi tỷ lệ nợ thuần/EBITDA cải thiện về 2,4 lần trong Q2/2026 (so với ~2,7 lần vào cuối năm 2025), hướng tới mục tiêu 2 lần vào cuối năm 2026 hoặc Q1/2027.

Xem xét lại dự báo lợi nhuận

HSC đang xem xét lại các dự báo lợi nhuận cho giai đoạn 2026-2028. Chúng tôi điều chỉnh tăng dự báo lợi nhuận nhằm phản ánh KQKD tích cực của MSR, khi lợi nhuận thuần 6 tháng đầu năm 2026 của công ty vượt kỳ vọng. Chúng tôi sẽ cập nhật định giá theo phương pháp SoTP cũng như khuyến nghị trong dự báo mới.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	83,178	81,621	117,285	123,199	134,079
Lợi nhuận gộp	24,656	25,581	33,844	38,311	41,580
Chi phí BH&QL	(18,482)	(17,916)	(21,579)	(23,960)	(26,933)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	6,173	7,664	12,266	14,351	14,647
Lãi vay thuần	(5,952)	(5,130)	(5,588)	(5,579)	(5,187)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	4,444	5,080	6,011	7,181	8,589
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	1,360	274	388	746	1,021
LNTT	6,025	7,888	13,077	16,700	19,070
Chi phí thuế TNDN	(1,752)	(1,125)	(2,144)	(2,666)	(2,671)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(2,273)	(2,655)	(3,111)	(3,665)	(4,036)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	1,999	4,108	7,823	10,368	12,362
Lợi nhuận thuần ĐC	1,999	4,108	7,823	10,368	12,362
EBITDA ĐC	10,306	11,093	16,516	18,859	19,266
EPS (đồng)	1,345	2,702	5,145	6,819	8,131
EPS ĐC (đồng)	1,345	2,702	5,145	6,819	8,131
DPS (đồng)	-	-	-	-	-
Sig CP bình quân (triệu đv)	1,487	1,520	1,520	1,520	1,520
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	1,513	1,520	1,520	1,520	1,520
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,513	1,520	1,520	1,520	1,520

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	18,618	12,102	18,839	25,998	34,972
Đầu tư ngắn hạn	608	5,380	5,380	5,380	5,380
Phải thu khách hàng	21,865	5,639	5,605	5,572	5,539
Hàng tồn kho	10,787	11,262	16,183	16,999	18,500
Các tài sản ngắn hạn khác	1,692	1,851	1,841	1,830	1,820
Tổng tài sản ngắn hạn	53,570	36,234	47,847	55,779	66,211
TSCĐ hữu hình	27,121	26,393	25,553	24,667	23,734
TSCĐ vô hình	9,706	8,887	8,286	7,684	7,082
Bất động sản đầu tư	4.17	0	16.8	0	0
Đầu tư dài hạn	1,909	1,506	1,506	1,506	1,506
Đầu tư vào Cty LD,LK	33,410	37,967	42,938	49,078	56,626
Tài sản dài hạn khác	21,865	17,976	21,340	20,921	21,400
Tổng tài sản dài hạn	94,015	92,729	99,639	103,855	110,348
Tổng cộng tài sản	147,585	128,963	147,487	159,634	176,559
Nợ ngắn hạn	26,724	24,331	25,311	23,481	23,784
Phải trả người bán	7,171	8,363	12,451	12,667	13,803
Nợ ngắn hạn khác	23,602	6,576	8,991	9,395	10,140
Tổng nợ ngắn hạn	58,712	40,257	47,950	46,825	49,133
Nợ dài hạn	38,825	40,546	40,443	39,682	37,901
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	2,476	2,365	2,365	2,365	2,365
Nợ dài hạn khác	6,331	176	176	176	176
Tổng nợ dài hạn	47,632	43,087	42,984	42,223	40,442
Tổng nợ phải trả	106,832	83,885	91,474	89,588	90,115
Vốn chủ sở hữu	30,242	35,348	43,171	53,539	65,902
Lợi ích cổ đông thiểu số	10,510	9,730	12,842	16,507	20,543
Tổng vốn chủ sở hữu	40,752	45,079	56,013	70,046	86,445
Tổng nợ phải trả và VCSH	147,585	128,963	147,487	159,634	176,559
BVPS (đ)	19,989	23,248	28,393	35,212	43,342
Nợ thuần*/(tiền mặt)	46,931	52,775	46,916	37,165	26,713

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	6,173	7,664	12,266	14,351	14,647
Khấu hao	(4,133)	(3,429)	(4,250)	(4,507)	(4,620)
Lãi vay thuần	(5,952)	(5,130)	(5,588)	(5,579)	(5,187)
Thuế TNDN đã nộp	(1,408)	(1,274)	(2,139)	(2,662)	(2,667)
Thay đổi vốn lưu động	6,519	(3,020)	1,759	(87.7)	516
Khác	60.9	(299)	(16,098)	(18,414)	(18,822)
LCT thuần từ HKKD	9,525	1,370	(5,550)	(7,884)	(6,894)
Đầu tư TS dài hạn	(3,099)	(1,878)	(4,536)	(752)	(1,651)
Góp vốn & đầu tư	(6,557)	(3,114)	0	0	0
Thanh lý	-	-	-	-	-
Khác	-	-	-	-	-
LCT thuần từ HĐĐT	-	-	0	0	-
Cổ tức trả cho CSH	(1,721)	(890)	0	0	0
Thu từ phát hành CP	6,412	2,823	0	0	0
Tăng/giảm nợ	4,995	(24,152)	877	(2,591)	(1,478)
Khác	(14.1)	(2,564)	13,338	15,516	16,160
LCT thuần từ HĐTC	9,672	(24,784)	14,215	12,925	14,682
Tiền & tương đương tiền đầu kì	10,125	18,618	12,102	18,839	25,998
LCT thuần trong kỳ	-	-	-	-	-
Ảnh hưởng của tỷ giá	(10.1)	(0.65)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	-	-	-	-	-
Dòng tiền tự do	6,426	(509)	(10,087)	(8,636)	(8,545)

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	29.6	31.3	28.9	31.1	31.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	12.4	13.6	14.1	15.3	14.4
Tỷ suất LNT (%)	2.40	5.03	6.67	8.42	9.22
Thuế TNDN hiện hành (%)	29.1	14.3	16.4	16.0	14.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	6.30	(1.87)	43.7	5.04	8.83
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	25.9	7.63	48.9	14.2	2.16
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	377	106	90.4	32.5	19.2
Tăng trưởng EPS (%)	358	101	90.4	32.5	19.2
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	358	101	90.4	32.5	19.2
Tăng trưởng DPS (%)	-	-	-	-	-
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	-	-	-	-	-
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	7.04	12.5	19.9	21.4	20.7
ROACE (%)	6.64	8.63	13.0	13.5	12.2
Vòng quay tài sản (lần)	0.56	0.59	0.85	0.80	0.80
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	1.54	0.18	(0.45)	(0.55)	(0.47)
Số ngày tồn kho	67.3	73.4	70.8	73.1	73.0
Số ngày phải thu	136	36.7	24.5	24.0	21.9
Số ngày phải trả	44.7	54.5	54.5	54.5	54.5
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	156	150	110	70.2	41.2
Nợ/tài sản (%)	44.5	50.5	44.9	39.8	35.2
EBIT/lãi vay (lần)	1.04	1.49	2.19	2.57	2.82
Nợ/EBITDA (lần)	6.38	5.87	4.01	3.37	3.23
Chỉ số TT hiện thời (lần)	0.91	0.90	1.00	1.19	1.35
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.77	1.88	1.26	1.12	0.95
EV/EBITDA ĐC (lần)	14.3	13.8	8.93	7.30	6.60
P/E (lần)	49.2	24.5	12.8	9.69	8.13
P/E ĐC (lần)	49.2	24.5	12.8	9.69	8.13
P/B (lần)	3.31	2.84	2.33	1.88	1.53
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-	-	-

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn